

Số: **NO-HĐND**

Tuần Giáo, ngày tháng 12 năm 2020

**DỰ THẢO**

## NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt Kế hoạch vốn đầu tư công  
và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư năm 2021, huyện Tuần Giáo**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ 13

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 26/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020;*

*Căn cứ Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, cải tạo, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất;*

*Căn cứ Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 9 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số 289/TTr-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Tuần Giáo về Kế hoạch đầu tư công và nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư năm 2021; Báo cáo thẩm tra số /BC-BKTXH ngày tháng 12 năm 2020 của Ban Kinh tế-xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch đầu tư công và nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư năm 2021, huyện Tuần Giáo, cụ thể như sau:

Tổng nguồn vốn đầu tư công và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư năm 2021, huyện Tuần Giáo là 111.651,0 triệu đồng (Một trăm mười một tỷ sáu trăm năm mươi một triệu đồng chẵn).

### 1. Vốn Cân đối ngân sách địa phương.

1.1. Vốn đầu tư (huyện quản lý): 22.234,0 triệu đồng;

(Chi tiết có biểu 01 kèm theo)

1.2. Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất 13.005,0 triệu đồng.

(Chi tiết có biểu 02 kèm theo)

## 2. Vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư:

2.1. Sự nghiệp giao thông 44.410,0 triệu đồng;

2.2. Sự nghiệp thủy lợi 6.600,0 triệu đồng;

2.3. Sự nghiệp kinh tế khác 7.450,0 triệu đồng.

(Chi tiết có biểu 03 kèm theo)

2.4. Hỗ trợ đất trồng lúa 2.612,0 triệu đồng.

(Chi tiết có biểu 04 kèm theo)

2.5. Sự nghiệp giáo dục và đào tạo 15.340,0 triệu đồng.

(Chi tiết có biểu 05 kèm theo)

## Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND huyện chịu trách nhiệm rà soát danh mục dự án, mức vốn bố trí cụ thể cho từng công trình, dự án để giao chi tiết cho chủ đầu tư thực hiện. Các dự án trong kế hoạch năm 2021 phải phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Chịu trách nhiệm trước HĐND huyện và các cơ quan có liên quan về tính chính xác của thông tin số liệu của dự án, mức vốn phân bổ cho từng dự án theo quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh, UBND huyện phối hợp với Thường trực HĐND huyện báo cáo trình HĐND huyện xem xét, giải quyết tại kỳ họp gần nhất.

2. Giao Thường trực HĐND huyện, các Ban của HĐND huyện, các tổ đại biểu HĐND huyện và đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

*Nghị quyết này đã được HĐND huyện Tuần Giáo khoá XX, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.*

### Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- TT Huyện ủy, HĐND, UBND huyện;
- MTTQ huyện, các đoàn thể huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Bình Trọng**

## KẾ HOẠCH PHÂN BỐ ĐẦU TƯ CÔNG VỐN CÂN ĐỐI NSDP NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2020 của HĐND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn năm 2021			Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	
A	<b>NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>		<b>107.500,0</b>	<b>97.500,0</b>	<b>22.234,0</b>	<b>22.234,0</b>		
A	<b>VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (VỐN HUYỆN QUẢN LÝ)</b>		<b>107.500,0</b>	<b>97.500,0</b>	<b>22.234,0</b>	<b>22.234,0</b>		
1	Hạ tầng Nhà máy xử lý rác thải huyện Tuần Giáo	TT Tuần Giáo	4.500,0	4.500,0	2.500,0	2.500,0	KCMI	
2	Dường từ Ngầm Chiềng An đến Khối Đoàn Kết	TT Tuần Giáo	35.000,0	35.000,0	9.000,0	9.000,0	KCMI	
3	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên	TT Tuần Giáo	18.000,0	18.000,0	4.534,0	4.534,0	KCMI	
4	Công viên cây xanh trung tâm huyện Tuần Giáo	TT Tuần Giáo	30.000,0	30.000,0	4.000,0	4.000,0	KCMI	
5	Dường từ bản Hồng Lược xã Nà Sáy – bản Cò Đũa xã Mường Khong	Xã Nà Sáy + Xã Mường Khong	12.000,0	2.000,0	2.000,0	2.000,0	KCM (LG vốn NS tỉnh QL)	
6	Trụ sở làm việc Phòng Tài chính - Kế hoạch + Phòng Nội vụ + Phòng Văn hóa	TT Tuần Giáo	8.000,0	8.000,0	200,0	200,0	CBĐT	

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TỪ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021**  
(Kèm theo Nghị quyết số: **NQ-HĐND** ngày tháng 12 năm 2020 của HĐND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMBĐT	Lũy kế vốn đã giao đến năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG</b>		30.370	7.917	13.005	
<b>I</b>	<b>Công trình tiếp chi</b>		25.370	7.917	10.960	
*	<b>Ban QLDA các công trình huyện</b>		25.370	7.917	10.960	
1	Dường từ Sân vận động - huyện đội - QL6 và trận địa phòng không	TT Tuần Giáo	5.080	2.907	440	Lồng ghép vốn SN giao thông 1.600
2	Xây dựng CSHT khu đất đất giá QSD đất khu đất đường lão khởi Tân Tiến	TT Tuần Giáo	190	10	155	
3	Nâng cấp vỉa hè khối Trường Xuân	TT Tuần Giáo	9.500	5.000	4.000	
4	Nâng cấp đường nội thị khối Tân Giang	TT Tuần Giáo	5.600	-	3.050	Lồng ghép vốn SNGT
5	Nâng cấp đường khối 20/7 - bản Đông	TT Tuần Giáo	5.000	-	3.315	Lồng ghép vốn SNGT
<b>II</b>	<b>Công trình KCM</b>					
*	<b>Ban QLDA các công trình huyện</b>		5.000	-	2.045	
1	Đèn chiếu sáng, đèn trang trí khu trung tâm thị trấn Tuần Giáo (QL6, QL279 + đường tránh QL279)	Thị trấn Tuần Giáo	5.000	-	2.045	Trong đó thu cấp quyền sử dụng đất 45 triệu đồng

**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2021**  
(SỰ NGHIỆP CÓ TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ)

(Kèm theo Nghị quyết số:

NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2020 của HĐND huyện Thuận Giao)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMDT	Lũy kế vốn đã giao đến năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG</b>					
<b>A</b>	<b>Sự nghiệp giao thông</b>		<b>159.300</b>	<b>57.589</b>	<b>58.460</b>	
<b>I</b>	<b>Công trình tiếp chi</b>		<b>130.050</b>	<b>52.587</b>	<b>44.410</b>	
*	<b>Ban QLDA các công trình huyện</b>		<b>91.950</b>	<b>52.587</b>	<b>26.410</b>	
1	Nâng cấp đường từ bản Phiêng Pi B - bản Tênh Lá	Xã Pú Nhung	91.950	52.587	26.410	
2	Nâng cấp đường bản Môn - bản Hới Trong	Xã Quài Tờ	8.000	7.450	250	
3	Khắc phục hậu quả thiên tai đường từ bản Sáng xã Quài Cang đến bản Chế Á xã Tả Tỉnh	Xã Quài Cang xã Tả Tỉnh	5.500	4.700	650	
4	Nâng cấp đường vào bản Phình Cừ	Xã Ta Ma	5.000	4.473	350	
5	Nâng cấp đường từ bản Hua Sa A - bản Chế Á	Xã Tả Tỉnh	6.500	4.400	1.550	
6	Nâng cấp đường vào bản Nà Dảng	Xã Ta Ma	10.700	5.500	3.500	
			2.650	2.300	200	

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMDT	Lũy kế vốn đã giao đến năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021	Ghi chú
7	Nâng cấp đường vào bản Kê Cai	Xã Ta Ma	3.000	1.200	1.500	
8	Nâng cấp đường vào bản Thắm Nặm (giai đoạn 1)	Xã Tênh Phòng	5.500	2.000	1.960	Vốn bảo trì đường bộ 460 triệu đồng
9	Nâng cấp đường vào bản Phình Sáng	Xã Phình Sáng	1.800	1.500	200	
10	Nâng cấp đường vào bản Kéo Lạ	Xã Nà Sậy	2.300	1.168	850	
11	Nâng cấp đường, ngầm trần bản Nặm Cá	Xã Nà Sậy	4.000	3.500	250	
12	Nâng cấp đường Bản Bon A - Noong bả	Xã Rạng Đông	2.500	1.000	800	
13	Nâng cấp đường bản Hua Mực 3 - Trung tâm xã (giai đoạn 1)	Xã Pú Xi	5.000	2.000	2.600	
14	Nâng cấp cầu bản Xuân Tươi	Xã Mường Mùn	3.200	1.880	800	
15	Nâng cấp đường vào bản Xá Tư (giai đoạn 1)	Xã Tênh Phòng	5.500	2.000	3.000	
16	Nâng cấp cầu bản Hiêu	Xã Chiềng Sinh	6.000	2.000	3.300	
17	Nâng cấp đường vào bản Co phát (giai đoạn 1)	Xã Nà Tông	5.000	1.800	1.000	
18	Nâng cấp đường vào bản Trăm Cú (giai đoạn 1)	Xã Ta Ma	5.000	1.500	1.850	

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMDT	Lũy kế vốn đã giao đến năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021	Ghi chú
19	Nâng cấp đường vào bản Phiêng Cai	Xã Phình Sáng	2.300	1.616	400	
20	Khắc phục hậu quả thiên tai tuyến đường Pú Nhung - Rạng Đông - Phình Sáng	Xã Pú Nhung, Rạng Đông, Phình Sáng	2.500	600	1.400	Khắc phục hậu quả thiên tai 2020
<b>II</b>	<b>Công trình KCM</b>		<b>38.100</b>	<b>-</b>	<b>18.000</b>	
*	<b>Ban QLDA các công trình</b>					
1	Nâng cấp đường QL279 - bản Pom Sinh	Xã Chiềng sinh	5.500	-	18.000	
2	Nâng cấp đường vào bản Co phát (Giai đoạn 2)	Xã Nà Tông	5.300		3.000	
3	Nâng cấp đường vào bản Gia Bọp (Giai đoạn 2)	Xã Mưòng Mùn	4.000		5.000	
4	Nâng cấp đường bản Hua Mực 3 - Trung tâm xã Pú Xi (giai đoạn 2)	Xã Pú Xi	8.300		3.000	
5	Nâng cấp đường vào bản Hua Ca - Thẩm Pao xã Quài Tờ (giai đoạn 1)	Xã Quài Tờ	10.000		2.000	
6	Nâng cấp đường bản Phung + bản Phù + bản Sài Ngoài	Xã Quài Cang	5.000		2.000	
<b>B</b>	<b>Sự nghiệp thủy lợi</b>		<b>12.000</b>	<b>-</b>	<b>6.600</b>	<b>-</b>
<b>I</b>	<b>Công trình tiếp chi</b>		<b>6.000</b>	<b>-</b>	<b>3.600</b>	<b>-</b>

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMDT	Lũy kế vốn đã giao đến năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021	Ghi chú
*	<b>Ban QLDA các công trình huyện</b>					
1	Hệ thống tưới ẩm (cây ăn quả)	Xã Rang Đông	6.000	-	3.600	
<b>II</b>	<b>Công trình KCM</b>					
*	<b>Ban QLDA các công trình</b>					
1	Kênh tiêu úng, kênh nội đồng, Chông xói kênh khu vực Bàn Chàng, bản Bông, bản Dứa, Xuân Bàn	Xã Quài Tờ	6.000	-	3.000	
2	Nâng cấp sửa chữa NSH bản Nậm Cỏ	Xã Nà Sáy	3.000		1.500	
<b>C</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế khác</b>					
<b>I</b>	<b>Công trình tiếp chi</b>					
*	<b>Ban QLDA các công trình huyện</b>					
1	Khắc phục hậu quả thiên tai công trình khu TĐC thị trấn Tuần Giáo	Thị trấn Tuần Giáo	12.550	5.003	5.950	
2	Hạ tầng khu đất xen kết khối Tân Giang	Thị trấn Tuần Giáo	1.350	737	400	
3	Xây dựng hạ tầng khu trung tâm xã mới xã Quài Cang	Xã Quài Cang	5.300	150	4.500	
<b>II</b>	<b>Công trình KCM</b>					
*	<b>Ban QLDA các công trình</b>					
			4.700	-	1.500	
			4.700	-	1.500	
			4.700	-	1.500	



Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMĐT	Lũy kế vốn đã giao đến năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021	Ghi chú
1	Sửa chữa, cải tạo trụ sở HĐND-UBND huyện	TT Tuấn Giáo	1.200		500	
2	Sửa chữa trụ sở xã Mùn Chung + xã Mường Mùn	xã Mùn Chung + xã Mường Mùn	3.500		1.000	

**PHÂN BỐ CHI TIẾT NGUỒN VỐN HỖ TRỢ ĐẤT LỬA NĂM 2021**  
(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2020 của HĐND huyện Thuận Giao)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMDT	Kế hoạch vốn năm 2021	Chủ đầu tư
	<b>TỔNG CỘNG</b>		5.150	2.612	
	<b>Công trình KCM</b>		5.150	2.612	
	<b>Ban QLDA các công trình</b>				
1	Kè chống sạt lở suối Nậm Hon (đoạn bản Giảng xã Quài Cang)	Xã Quài Cang	5.150	2.612	
			1.250	612	Ban QLDA các công trình
2	Nâng cấp kênh nội đồng bản Che Phai + bản Kếp (giai đoạn 2)	xã Chiềng sinh	3.900	2.000	Ban QLDA các công trình

**KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2021**  
**(SỰ NGHIỆP CỐ TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ)**

(Kèm theo Nghị quyết số: **NQ-HĐND** ngày tháng 12 năm 2020 của HĐND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMDT	Khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2020	Lũy kế giải ngân công đến 31/12/2020	Kế hoạch vốn 2021	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG</b>		37.950,0	12.176,0	8.000,0	15.340,0	
<b>I</b>	<b>Công trình tiếp chi</b>		14.700,0	12.176,0	8.000,0	5.968,3	
*	<b>Phòng Giáo dục và Đào tạo</b>		14.700,0	12.176,0	8.000,0	5.968,3	
1	Cải tạo, sửa chữa Trường MN Ta Ma, PTDTBT THCS Ta Ma	Xã Ta Ma	2.000,0	1.600,0	1.000,0	996,8	
2	Cải tạo, sửa chữa trường TH Phình Sáng; TH Năm Dìn	Xã Phình Sáng	3.000,0	1.800,0	1.500,0	1.097,3	
3	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Rang Đông;	Xã Rang Đông	2.000,0	1.978,1	1.000,0	978,1	
4	Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Hoa Sen; TH số 2 Quài Cang	Xã Quài Tở; Quài Cang	2.000,0	1.400,0	1.000,0	998,2	
5	Cải tạo, sửa chữa trường TH Mường Mìn	Xã Mường Mìn	1.500,0	1.462,9	900,0	562,9	
6	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Vừ A Dính	Xã Pú Nhung	1.200,0	1.144,5	600,0	544,5	
7	Cải tạo mặt bằng và phụ trợ trường tiểu học Pú Xi	Xã Pú Xi	1.500,0	1.334,8	1.200,0	134,8	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMDT	Khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2020	Lũy kế giải ngân công đến 31/12/2020	Kế hoạch vốn 2021	Ghi chú
8	Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non Nậm Din	Xã Phình Sáng	1.500,0	1.455,7	800,0	655,7	
<b>II</b>	<b>Công trình khởi công mới 2021</b>		<b>23.250,0</b>			<b>9.371,7</b>	
*	<b>Phòng Giáo dục và Đào tạo</b>		<b>23.250,0</b>			<b>9.371,7</b>	
1	Cải tạo, sửa chữa các trường MN, TH xã Quài Tồ	Xã Quài Tồ	2.400,0			9.371,7	
2	Cải tạo, sửa chữa trường TH&THCS xã Tỏa Tinh	Xã Tỏa Tinh	2.300,0			1.000,0	
3	Cải tạo, sửa chữa các trường TH Mường Thín, TH Chiềng Sinh	Xã Chiềng Sinh, Mường Thín	2.650,0			971,7	
4	Cải tạo, sửa chữa các trường MN, TH xã Quài Cang	Xã Quài Cang	2.700,0			1.100,0	
5	Cải tạo, sửa chữa các trường MN xã Quài Nưa	Xã Quài Nưa	2.200,0			1.100,0	
6	Cải tạo, sửa chữa trường TH Pú Nhung	Xã Pú Nhung	2.100,0			800,0	
7	Cải tạo, sửa chữa các trường MN, TH xã Nà Tông	Xã Nà Tông	2.000,0			800,0	
8	Cải tạo, sửa chữa trường TH Rạng Đông	Xã Rạng Đông	2.000,0			800,0	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMDT	Khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2020	Lũy kế giải ngân công đến 31/12/2020	Kế hoạch vốn 2021	Ghi chú
9	Cải tạo, sửa chữa trường TH Ta Ma	Xã Ta Ma	2.300,0			900,0	
10	Cải tạo, sửa chữa trường TH Mùn Chung	Xã Mùn Chung	2.600,0			1.100,0	